

**DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
TRONG KHỦNG HOẢNG KINH TẾ
VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2009**

MỤC LỤC

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO NGÀNH H1'09	3
MỘT SỐ NGÀNH TIÊU BIỂU & TRIỂN VỌNG	5
<i>Công trình xây dựng</i>	<i>5</i>
<i>Dược phẩm</i>	<i>6</i>
<i>Thực phẩm chế biến</i>	<i>6</i>
<i>Vật liệu xây dựng</i>	<i>7</i>
<i>Bất động sản</i>	<i>7</i>
<i>Cao su</i>	<i>9</i>
<i>Kim loại công nghiệp</i>	<i>9</i>
<i>Dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ</i>	<i>10</i>
<i>Ngân hàng</i>	<i>11</i>
<i>Vận tải biển</i>	<i>12</i>
TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG H1'09 CÁC DNNY THEO NGÀNH.....	14
<i>Xây dựng.....</i>	<i>14</i>
<i>Dược phẩm</i>	<i>15</i>
<i>Thực phẩm chế biến</i>	<i>15</i>
<i>Vật liệu xây dựng</i>	<i>16</i>
<i>Bất động sản.....</i>	<i>17</i>
<i>Hóa Chất.....</i>	<i>17</i>
<i>Kim loại công nghiệp</i>	<i>17</i>
<i>Dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ</i>	<i>18</i>
<i>Ngân hàng</i>	<i>18</i>
<i>Vận tải biển</i>	<i>18</i>

Tổng kết hoạt động kinh doanh theo ngành H1'09

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết trên sàn đã có sự tăng trưởng tốt vào Q2'09 so với các quý gần đây. Điều này cũng phù hợp với xu hướng phục hồi của nền kinh tế sau giai đoạn suy giảm từ Q3'08 cho đến Q1'09. Doanh thu toàn ngành đạt 53% kế hoạch năm trong khi lợi nhuận đạt tới 69,7% kế hoạch năm. Khả năng sinh lời của doanh nghiệp cũng được cải thiện khi chỉ số ROE 4 quý gần nhất tăng từ mức 11% tại thời điểm 31/03/2009 lên 14,4% (30/06/2009).

Thống kê các chỉ số tài chính cơ bản của ngành

STT	Ngành	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
1	Bảo hiểm phi nhân thọ	5.545	865	19,1%	213	66,4%	8,9%	25.278	2.261	1,3	14,4
2	Bất động sản	60.667	4.879	44,7%	1.563	50,5%	13,2%	18.988	2.516	3,1	23,7
3	Các dịch vụ hỗ trợ	349	64	25,5%	16	47,7%	21,8%	14.530	3.174	1,9	8,9
4	Công nghiệp cơ khí	487	572	37,9%	35	43,6%	23,0%	15.985	3.677	1,5	6,5
5	Công nghiệp nói chung	1.616	1.413	48,1%	86	67,6%	12,9%	19.782	2.555	1,3	9,9
6	Công nghiệp vận tải	15.176	7.006	47,9%	168	21,2%	4,4%	18.113	789	1,4	33,1
7	Công trình xây dựng	16.749	15.882	45,6%	604	39,5%	12,5%	17.401	2.178	1,6	13,1
8	Dịch vụ bán lẻ nói chung	4.867	12.592	96,1%	224	78,3%	15,7%	20.897	3.279	2,4	15,2
9	Dịch vụ viễn thông di động	13.442	16.352	92,2%	555	58,3%	28,9%	16.219	4.694	4,0	13,7
10	Điện	19.891	3.943	64,8%	1.160	166,8%	8,3%	13.363	1.113	2,2	26,2
11	Đồ dùng cá nhân	1.291	1.270	37,8%	84	39,1%	12,4%	17.488	2.168	1,0	7,9
12	Đồ gia dụng	950	700	46,6%	12	17,9%	0,6%	29.943	191	0,8	121,4
13	Du lịch & giải trí	9.862	646	109,5%	64	34,1%	4,6%	12.846	585	4,8	104,9
14	Dược phẩm và công nghệ SH	6.266	2.636	48,2%	253	66,1%	17,0%	35.364	6.003	2,3	13,7
15	Ga, nước & DV tiện ích đa năng	2.593	4.346	60,1%	123	103,8%	8,3%	16.474	1.367	1,5	17,5
16	Giấy và các chế phẩm từ gỗ	755	597	50,6%	40	60,5%	-3,5%	18.090	-641	1,0	-28,2
17	Hoá chất	26.055	7.779	63,9%	1.151	84,7%	21,8%	14.959	3.267	3,2	14,6
18	Khai khoáng	2.424	4.376	54,8%	87	47,2%	27,2%	16.476	4.483	1,8	6,4
19	Kim loại công nghiệp	19.733	11.243	50,0%	1.047	87,3%	14,9%	19.790	2.955	2,9	19,3
20	Ngân hàng	168.150	0	0,0%	5.944	72,6%	21,7%	12.552	2.723	3,6	16,8
21	Nông sản & thủy, hải sản	10.824	7.541	38,0%	315	38,1%	5,9%	17.529	1.030	1,3	22,5
22	Phần cứng và TB phần cứng	3.839	1.028	34,4%	223	81,6%	5,6%	24.107	1.349	0,9	15,9
23	Phương tiện truyền thông	713	601	41,6%	22	32,8%	8,5%	14.681	1.244	1,0	12,3
24	Tài chính nói chung	46.219	3.320	46,4%	1.041	137,2%	3,8%	16.670	635	2,9	74,9
25	Thiết bị điện & điện tử	6.410	1.816	41,2%	368	108,0%	7,8%	20.840	1.630	1,7	21,5
26	Thiết bị, DVĐK & HT phân phối	19.964	6.541	46,0%	804	71,6%	30,6%	16.037	4.910	3,7	12,2
27	Thực phẩm chế biến	34.732	9.635	48,0%	1.244	75,4%	20,0%	29.245	5.838	3,7	18,4
28	Thuốc lá, rượu & nước giải khát	885	1.396	45,0%	14	13,5%	-12,3%	11.447	-1.403	1,7	-13,6
29	Vật liệu xây dựng	17.515	13.493	49,4%	1.019	68,6%	14,3%	14.726	2.108	1,5	10,4
Toàn thị trường		517.970	142.531	53,0%	18.480	69,7%	14,4%	16.185	2.336	2,7	18,5

Nguồn: HBBS

Những biến động về doanh thu, lợi nhuận gộp và lợi nhuận ròng của Q2'09 so với Q1'09, Q2'09 hay 6 tháng đầu năm 2009 so với cùng kỳ năm trước của các doanh nghiệp sản xuất hoặc dịch vụ phi tài chính đều cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường. Tuy nhiên, sự phục hồi này chủ yếu đến từ những lợi thế về hàng tồn kho giá thấp do tốc độ tăng của lợi nhuận gộp cao hơn tốc độ tăng của doanh thu; từ hoàn nhập dự phòng tài chính và chi phí lãi vay thấp khi lợi nhuận ròng tăng mạnh hơn lợi nhuận gộp v.v. Có thể thấy, hoạt động của doanh nghiệp sẽ khó khăn hơn trong thời gian tới khi những lợi thế về hàng tồn kho hay hoàn nhập dự phòng không còn nhiều. Tuy nhiên, nhu cầu của thị trường tăng trở lại sẽ là yếu tố hỗ trợ trong thời gian tới cho doanh nghiệp.

Thống kê biến động doanh thu, lợi nhuận gộp, lợi nhuận ròng của các ngành phi tài chính

STT	Ngành	Doanh thu			Lợi nhuận gộp			Lợi nhuận ròng		
		(A)	(B)	(C)	(A)	(B)	(C)	(A)	(B)	(C)
1	Bất động sản	69,8%	6,4%	-1,1%	22,9%	-39,7%	-29,4%	185,9%	47,6%	-5,7%
2	Các dịch vụ hỗ trợ	0,9%	7,6%	11,4%	23,5%	7,0%	14,3%	-9,5%	-26,1%	-10,7%
3	Công nghiệp cơ khí	83,2%	27,3%	30,0%	42,4%	7,8%	11,1%	49,3%	16,0%	15,4%
4	Công nghiệp nói chung	16,7%	-2,4%	0,1%	140,5%	46,1%	-221,1%	39,2%	52,1%	54,9%
5	Công nghiệp vận tải	2,2%	-9,6%	-3,0%	12,2%	-28,3%	-36,7%	238,8%	-48,6%	-65,7%
6	Công trình xây dựng	48,8%	49,2%	42,3%	45,9%	22,9%	16,4%	73,7%	54,8%	16,7%
7	Dịch vụ bán lẻ nói chung	-28,7%	24,6%	60,1%	-18,8%	-4,2%	-0,2%	-23,1%	-8,6%	-9,7%
8	Dịch vụ viễn thông di động	19,2%	-3,0%	-8,7%	7,8%	-8,0%	4,1%	45,4%	22,2%	13,6%
9	Điện	17,5%	12,9%	9,1%	17,6%	2,0%	-1,8%	36,0%	31,6%	19,4%
10	Đồ dùng cá nhân	9,7%	-11,9%	-6,3%	2,0%	14,1%	23,8%	-0,4%	551,4%	156,3%
11	Đồ gia dụng	9,1%	17,3%	-1,3%	15,7%	1,7%	-9,6%	2.359,4%	85,2%	-82,3%
12	Du lịch & giải trí	125,9%	115,4%	50,7%	58,9%	67,9%	22,1%	63,4%	137,1%	8,5%
13	Dược phẩm và công nghệ sinh học	11,6%	3,3%	2,4%	16,8%	8,9%	10,9%	20,2%	36,9%	23,6%
14	Ga, nước & DV tiện ích đa năng	13,9%	-11,4%	-15,8%	11,8%	67,2%	61,3%	70,0%	183,4%	72,2%
15	Giấy và các chế phẩm từ gỗ	-3,8%	18,1%	21,9%	34,4%	18,4%	10,4%	51,0%	-19,5%	-24,4%
16	Hoá chất	8,8%	0,3%	14,3%	19,7%	-21,4%	-8,8%	40,9%	-24,4%	-22,3%
17	Khai khoáng	22,8%	12,6%	4,4%	12,7%	-13,0%	168,4%	2,0%	-30,5%	-48,7%
18	Kim loại công nghiệp	38,2%	-22,5%	-25,5%	42,1%	-16,7%	-20,1%	99,5%	8,9%	-16,9%
19	Nông sản & thủy, hải sản	28,5%	-6,3%	-14,0%	35,5%	-14,9%	-29,1%	205,7%	-15,2%	-43,9%
20	Phần cứng và TB phần cứng	102,1%	-44,4%	-64,0%	63,7%	-38,2%	-52,8%	1020,2%	327,3%	4836,1%
21	Phương tiện truyền thông	45,5%	4,7%	10,9%	34,1%	-4,4%	10,8%	137,6%	-12,2%	-16,7%
22	Thiết bị điện & điện tử	57,5%	-20,9%	-39,4%	38,5%	9,8%	7,6%	113,8%	3103,4%	-709,8%
23	Thiết bị, DVDK & HT phân phối	15,1%	15,3%	25,7%	5,5%	4,5%	13,0%	4,0%	4,6%	13,0%
24	Thực phẩm chế biến	21,5%	9,6%	3,5%	39,3%	26,2%	17,2%	31,7%	67,3%	43,0%
25	Thuốc lá, rượu & nước giải khát	22,1%	14,8%	21,5%	23,9%	-3,0%	2,5%	596,3%	-35,5%	-75,7%
26	Vật liệu xây dựng	18,0%	0,0%	0,1%	32,7%	16,3%	11,2%	84,7%	73,9%	26,8%
Toàn thị trường		18,1%	3,1%	2,4%	28,1%	-4,7%	-3,8%	67,4%	29,1%	3,6%

Nguồn: HBBS

Chú thích: (A): Q2'09/Q1'09; (B): Q2'09/Q2'08; (C): 1H'09/1H'08

Một số ngành tiêu biểu & triển vọng

CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Ngành nên đầu tư do KQKD tốt trong H1'09 và dự báo tiếp tục duy trì trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

Tình hình chung: Ngân hàng Thế giới dự báo ngành xây dựng (XD) Việt Nam có khả năng tăng trưởng với mức 2 con số trong năm 2009 nhờ những biện pháp kích cầu và những chuyển biến thuận lợi hơn của thị trường nguyên liệu đầu vào thế giới. Ngành xây dựng đã có những biểu hiện hồi phục bước đầu khi tăng trưởng 6,9% trong Q1'09. Cụ thể:

- Giá thép và xi măng cũng như các loại nguyên vật liệu xây dựng khác bắt đầu giảm từ tháng 10/2008 và ở mức thấp hơn nhiều so với thời kỳ cao điểm nửa đầu năm 2008.
- Được hưởng lợi từ gói kích cầu của Chính Phủ: Một trong những trọng tâm của gói kích cầu là đầu tư xây dựng cơ bản với những biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp thiết bằng nguồn vốn phân bổ từ các dự án kém hiệu quả (37,2 nghìn tỷ VNĐ) và Hoàn thu hồi vốn đầu tư xây dựng cơ bản ứng trước năm 2009 chưa thực hiện (3,4 nghìn tỷ VNĐ). Do đó, các doanh nghiệp trong ngành xây dựng được tạo những cơ hội tốt để tăng trưởng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Ngoài ra chính sách hỗ trợ 4% lãi vay (17.000 tỷ VNĐ), miễn giảm và hoãn thuế TNDN và thuế GTGT (28 nghìn tỷ) cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp ngành xây dựng giảm gánh nặng chi phí, đặc biệt chi phí lãi vay khi đặc thù ngành có tỷ lệ Nợ vay lớn.
- Trong H1'09, ngành Bất động sản, khách hàng lớn của ngành xây dựng, đã có những dấu hiệu ấm lên khi lãi suất cho vay đã hạ nhiệt và một số ngân hàng đã cho vay trở lại với các dự án bất động sản.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

Trong H2'09 đã xuất hiện những yếu tố bất lợi cho tăng trưởng ngành như:

- Nếu Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ (hạ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng xuống 25-27% và xiết chặt tín dụng chứng khoán, bất động sản và tiêu dùng, cũng như những thay đổi trong các chính sách, dự luật (dự thảo Luật thuế nhà đất), thị trường Bất động sản có thể tiếp tục chững lại và sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến mảng xây dựng dân dụng của Ngành.
- Sự phục hồi của ngành xây dựng trong H1'09 là một trong những nguyên nhân làm giá nguyên vật liệu xây dựng đang có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, giá thép thế giới cũng được dự báo là sẽ tăng trong Q4'09. Yếu tố này có ảnh hưởng chủ yếu đến hoạt động xây dựng tư nhân, tuy nhiên, đây là mảng có giá trị sản xuất không lớn.

Tuy nhiên chúng tôi cho rằng các doanh nghiệp ngành xây dựng sẽ tiếp tục đạt kết quả hoạt động khả quan và hứa hẹn những cơ hội đầu tư tốt trong H2'09 do:

- Ngành xây dựng vẫn tiếp tục được hưởng lợi trực tiếp từ nguồn vốn phân bổ cho ngành trong gói kích cầu của Chính phủ, đặc biệt mảng xây dựng cơ sở hạ tầng là mảng có giá trị sản lượng lớn.
- Theo tính mùa vụ của ngành, quý 4 là mùa cao điểm xây dựng đồng thời các nhà thầu cũng đẩy mạnh hoạt động thanh quyết toán và thu hồi công nợ năm. Do vậy, Q4'09 thường là thời gian sản lượng, doanh thu và lợi nhuận ngành xây dựng tăng cao.

Tính chung cho toàn ngành trong H1'09, các doanh nghiệp xây dựng niêm yết đạt được kết quả tương đối tốt khi hoàn thành trên 45% kế hoạch doanh thu và gần 40% kế hoạch LN năm. Do đó, nhiều khả năng ngành XD sẽ hoàn thành tốt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2009. Các chỉ số P/B và P/E trung bình ngành Xây dựng hiện đang ở mức thấp hơn mức bình quân chung toàn thị trường.

DƯỢC PHẨM

Ngành nên đầu tư do KQKD tốt trong H1'09 và dự báo tiếp tục duy trì trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Những yếu tố kinh tế-xã hội cơ bản giúp cho doanh thu hàng sản xuất trong nước của ngành Dược đạt được mức tăng trưởng trung bình 18%-20%/năm: Việt Nam có quy mô dân số lớn, tốc độ tăng dân số tự nhiên khá cao và điều kiện sống ngày càng được cải thiện.
- Do đặc thù là loại sản phẩm thiết yếu nên mức chi tiêu cho Dược phẩm không chịu ảnh hưởng quá lớn bởi những biến động bất lợi của nền kinh tế, do đó doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp Dược phẩm tăng trưởng khá tốt trong H1'09.
- Trong năm 2009, các doanh nghiệp Dược phẩm Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn khi các doanh nghiệp nước ngoài được phép nhập khẩu trực tiếp dược phẩm vào Việt Nam và những doanh nghiệp có văn phòng đại diện tại VN được phép phân phối bắt đầu từ 1/1/2009 theo cam kết gia nhập WTO. Tuy nhiên, do có sự chuẩn bị từ trước nên nhiều doanh nghiệp như Dược Hậu Giang, Imexpharm, Dược Cửu Long v.v đã có sự đầu tư nhất định nhằm cải thiện hệ thống phân phối và chuẩn bị mở rộng sản xuất.
- Biến động có lợi của giá nguyên vật liệu: Chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước đối với giá bán đầu ra, tỷ lệ lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp Dược Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh bởi biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường thế giới do 90% nguyên liệu chính đang phải nhập khẩu. Sau thời gian tăng mạnh trong H1'08, từ cuối năm 2008, giá nguyên vật liệu Dược đã giảm và hiện đang có dấu hiệu ổn định.
- Chính sách hỗ trợ lãi suất (4%/năm) trong gói kích cầu của Chính phủ giúp giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Nếu không có nhà máy mới nào đi vào hoạt động, khả năng tăng đột biến doanh thu của ngành Dược bị hạn chế do giá bán đầu ra chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà Nước và mức độ cạnh tranh nội bộ ngành. Theo định hướng quản lý ngành Dược năm 2009, Cục Quản lý Dược sẽ tiếp tục duy trì mức tăng chỉ số giá nhóm ngành dược phẩm thấp hơn CPI.

Tuy nhiên, các điều kiện môi trường kinh tế trong H2'09 có xu hướng thuận lợi cho các doanh nghiệp Dược Việt Nam:

- Giá nguyên vật liệu xây dựng đã hạ nhiệt so với thời kỳ cao điểm nửa đầu năm 2008, do đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Dược Việt Nam đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy mới để tăng công suất sản xuất trong những năm tiếp theo.
- Nền kinh tế đã có những dấu hiệu hồi phục là điều kiện để người dân chi tiêu nhiều hơn cho các sản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe do đó tăng chi tiêu cho y tế và dược phẩm
- Dự báo ngành Dược tiếp tục tăng trưởng với tốc độ gần 11% trong năm 2009, cao gấp đôi mức tăng trưởng GDP dự kiến.
- Các doanh nghiệp Dược niêm yết đều có kết quả hoạt động tốt trong H1'09 và hoàn toàn có khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho năm. Các chỉ số P/B và P/E trung bình ngành Dược hiện đang thấp hơn mức bình quân chung toàn thị trường. Do đó, ngành Dược hứa hẹn là cơ hội đầu tư tốt trong H2'09 với mục tiêu chung là đầu tư dài hạn.

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

Ngành nên đầu tư do KQKD tốt trong H1'09 và dự báo tiếp tục duy trì trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Sản phẩm của ngành là loại hàng hoá thiết yếu, do đó nhu cầu tiêu thụ rất ổn định.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành trong giai đoạn 2006-2008 đạt trên 20%/năm. Do đó, mặc dù có chịu ảnh hưởng của suy giảm kinh tế nhưng ngành vẫn có sự tăng trưởng dương trong năm 2009.
- Chi phí nguyên vật liệu đầu vào giảm trong khi giá bán đầu ra hầu như không thay đổi, nhất là với các ngành sữa, bánh kẹo.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

Doanh thu và lợi nhuận của ngành 2 quý cuối năm thường tốt hơn đầu năm do có nhiều dịp lễ, tết. Đặc biệt, năm nay, phong trào “Người Việt dùng hàng Việt” đã bắt đầu được phát động từ tháng 8/2009. Vì vậy, ngành có thể đạt kế hoạch về doanh thu và vượt kế hoạch về lợi nhuận do 6 tháng đầu năm đã đạt tương ứng 48% và 75,4% kế hoạch.

Cổ phiếu tiêu điểm: VNM

- ROE cao, PE ở mức trung bình.
- Doanh nghiệp đầu ngành, tốc độ tăng trưởng cao.
- Mặt hàng sữa được hưởng tới đầu tiên trong chương trình “Người Việt dùng hàng Việt”.

VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Ngành nên đầu tư do KQKD tốt trong H1'09 và dự báo tiếp tục duy trì trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Nền kinh tế đang dần ra khỏi khủng hoảng, giá các NVL xây dựng rẻ tương đối so với 2008 nên hoạt động xây dựng đang âm dần lên, thúc đẩy tiêu thụ và ngành VLXD đang phục hồi.
- Do tận dụng được nguyên vật liệu giá thấp từ cuối 2008 và một phần giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên 6 tháng đầu năm nhiều doanh nghiệp hoạt động có lãi bù hết lỗ giai đoạn trước.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Chính sách kích cầu của CP tiếp tục giúp doanh nghiệp hoạt động tốt 2 quý cuối năm
- Việt Nam đang trong quá trình xây dựng cơ bản nên nhu cầu VLXD cao.
- Chi phí đầu vào chịu nhiều tác động từ sự biến động giá nhiên liệu như xăng, dầu, điện.
- Dự báo cuối năm có thể hoàn thành kế hoạch doanh thu và vượt kế hoạch lợi nhuận do 6 tháng đầu năm đạt 50% KH doanh thu và 70% KH Lợi nhuận 2009

Cổ phiếu tiêu điểm: NTP, BMP

- Doanh nghiệp đầu ngành, tốc độ tăng trưởng cao
- ROE cao, PE thấp hơn TB
- Hoạt động sản xuất và tiêu thụ ổn định

BẤT ĐỘNG SẢN

Ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Nhà nước tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng như các dự án tại HN gồm đường Lê Đức Thọ kéo dài, cầu Nhật Tân, đường Láng – Hòa Lạc; tại Khánh Hòa đầu tư 550 tỷ đồng cho tuyến đường Nha Trang – Đà Lạt; tại Đà Nẵng khánh thành tuyến cáp treo Bà Nà với tổng vốn đầu tư hơn 300 tỷ đồng v.v.
- Các ngân hàng đã bắt đầu cho vay một số dự án bất động sản:

Vietcombank cho Indochina Land vay 44 triệu USD cho khu phức hợp trung tâm thương mại, văn phòng, nhà ở Indochina Land ở Hà Nội (tổng vốn đầu tư là 145 triệu USD); Ngân hàng BIDV cho Hoàng Anh Gia Lai vay 5.650 tỉ đồng dành cho các dự án bất động sản, cao su, khoáng sản, thủy điện trong giai đoạn 2009 – 2011.

- Xuất hiện xu hướng đầu tư vào phân khúc nhà giá thấp, dành cho những người có thu nhập trung bình: Theo thống kê của CBRE, tại TP.HCM có trên 20 dự án đang được khởi động với tổng số căn hộ ước tính là 10.779 căn; Tại Hà Nội có hơn 20 dự án với tổng số căn hộ ước tính là 13.220 căn.
- Giao dịch BĐS sôi động trở lại nhờ vào việc hạ giá bán của các DN BĐS: Hoàng Anh Gia Lai tiên phong giảm giá bán căn hộ tại TP.HCM - Giá chính thức công bố với dự án Phú Hoàng Anh giảm từ 1.800 USD/m² trở lên xuống còn 1.250 USD và dự án River View quận 2 từ trung bình 2.000 USD xuống 1.350 USD/m².

Một số trở ngại:

- Nhu cầu cho thuê văn phòng giảm hẳn do khủng hoảng kinh tế toàn cầu: Theo CB Richard Ellis Việt Nam (CBRE), tổng diện tích được thuê mới đã giảm 45% so với quý trước và giảm đến 85% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Nguồn cung - số lượng cao ốc văn phòng cho thuê tăng dần làm tăng tỷ lệ bỏ trống: Quý 2, 13 cao ốc văn phòng đi vào hoạt động tại TP.HCM, cung cấp thêm 77.893 m² sàn. Diện tích này góp phần nâng tỷ lệ văn phòng bị bỏ trống lên đến mức 12,3%. Tại HN, tổng diện tích văn phòng cho thuê là 622.000 m².
- Giá cho thuê văn phòng và căn hộ giảm hẳn.
- FDI giảm khiến các chủ đầu tư KCN gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách thuê do khách hàng chủ yếu của họ là các doanh nghiệp nước ngoài

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Các DN BĐS có quỹ đất rộng sẽ có khả năng tăng doanh thu vì nhu cầu nhà ở cho đối tượng thu nhập trung bình, thấp vẫn rất lớn. Hiện chỉ 20% trong tổng số 1 triệu lao động trực tiếp và khoảng 1,2 – 1,5 triệu lao động gián tiếp có chỗ ở, chỉ có khoảng 2/3 trong tổng số 2 triệu cán bộ, công chức tự lo được nhà ở cho mình, số còn lại phải ghép hộ, ở nhờ, ở tạm v.v.
- Cơ hội cho các DN BĐS cho thuê thứ cấp khi giá mặt bằng cho thuê ngày càng hạ và lượng cung ngày càng nhiều: một số DN đã có ý tưởng tìm thuê các cao ốc văn phòng trong 50 năm để cho thuê lại khi thị trường này đang khó khăn.
- Quy định giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn (tối đa 30% thay vì 40% như trước đây) cho vay trung hạn, dài hạn, sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cho vay vào lĩnh vực BĐS. 6 tháng đầu năm 2009, dư nợ cho vay BĐS của hệ thống các TCTD ước tăng 10,48% so với cuối năm 2008.
- Lãi suất tăng làm tăng chi phí của DN BĐS: Áp lực tăng lãi suất khi không huy động được vốn dài hạn trong điều kiện thu hẹp vốn ngắn hạn cho vay. Đỉnh cao nhất của LS huy động kỳ hạn 36 tháng hiện là 10,3%/năm, sắp tới, mặt bằng LS huy động kỳ hạn trên 12 tháng của các NHTM sẽ tăng hơn hiện nay.

Cổ phiếu tiêu điểm: CII, SJS, SZL, TDH, LCG, NTL, HAG

- DN có quỹ đất lớn, sản phẩm đa dạng, đặc biệt có nhiều dự án nhà cho đối tượng thu nhập thấp
- DN có mức sinh lời cao (LNR/DT, ROE cao)
- DN có tỷ lệ Nợ/TTS tương đối thấp
- DN có PE thấp hơn mức PE trung bình ngành
- DN có PB thấp hơn mức trung bình ngành

CAO SU

Ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Từ đầu năm đến nay các doanh nghiệp cao su gặp thuận lợi khi giá dầu tăng dần trở lại và nguồn cung không được dồi dào. Hiện nhiều khu vực ở Malaysia và miền Nam Thái Lan bắt đầu mưa từ tháng 7, làm gián đoạn việc thu hoạch mủ cao su, trong khi ở Indonexia, thời tiết mùa đông khô hạn cũng không có lợi cho sản lượng mủ cao su.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Giá cao su có thể tiếp tục tăng nếu giá dầu tăng trở lại và nguồn cung vẫn khan hiếm. Bên cạnh đó, ngành cao su có tính chất mùa vụ khá rõ rệt, doanh thu 2 quý cuối năm chiếm tới 65-70% doanh thu cả năm. Do đó, lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành rất khả quan.

Cổ phiếu tiêu điểm: DRC, TRC, HRC

- ROE cao, PE ở mức thấp và trung bình.
- Trong nhóm các Doanh nghiệp đầu ngành.
- Khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn ở mức tương đối thấp

KIM LOẠI CÔNG NGHIỆP

Ngành dự kiến tiếp tục có mức sinh lời cao trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Ngành đã qua giai đoạn khó khăn: 6 tháng đầu năm 2009, nhờ tác động tích cực của các biện pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng của Chính phủ v.v tiêu thụ thép đã phục hồi. 7 tháng đầu năm tiêu thụ tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2,31 triệu tấn.
- Do tận dụng được nguồn nguyên liệu giá thấp từ cuối 2008 và một phần giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên 6 tháng đầu năm, nhiều doanh nghiệp đã bù hết lỗ giai đoạn trước và có lãi lớn.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Nền kinh tế đang dần ra khỏi suy giảm, thị trường bất động sản đang ấm dần lên nên sức cầu cho ngành thép sẽ tăng cao.
- Giá thép tăng ổn định: Giá nguyên liệu đầu vào chưa thấy xuất hiện xu hướng tăng giá đột ngột và giá bán thép hiện đang tăng giúp các doanh nghiệp hoạt động tốt. Tuy nhiên, hiệp hội thép nhận định từ nay đến cuối năm giá sẽ tăng nhẹ chứ không biến động mạnh như thời gian trước.
- Dự báo cuối năm ngành có thể vượt kế hoạch lợi nhuận do kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm của các DNNY đã đạt 78% kế hoạch lợi nhuận.
- Tuy nhiên chi phí đầu vào cũng chịu tác động từ việc tăng giá xăng, dầu, điện v.v.

Cổ phiếu tiêu điểm: HPG, VIS

- ROE cao, PE thấp
- Hoạt động ổn định, nguồn tiêu thụ tốt

DẦU KHÍ & CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ

Ngành tiềm năng cho chiến lược đầu tư dài hạn và có thể đầu tư đón đầu trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

Tình hình khai thác và xuất khẩu dầu thô

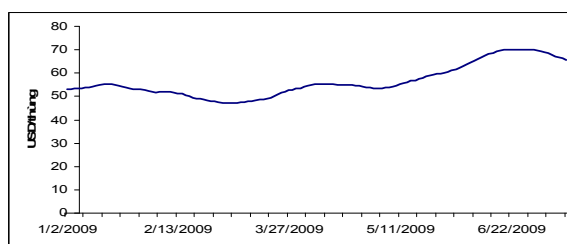
Trong 6 tháng đầu năm, sản lượng khai thác dầu khí của Việt Nam đạt 16,65 triệu tấn qui dầu, đạt 53% kế hoạch năm 2009 và tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 1H09 chúng ta xuất khẩu khoảng 8,3 triệu tấn dầu thô tăng 23,5 so với cùng kỳ năm ngoái tuy nhiên giá trị xuất khẩu giảm 41,5% do giá dầu thô xuất giảm mạnh, (giá dầu thô xuất khẩu trung bình trong 1H09 là 54 USD giảm một nửa so với mức trung bình của 1H08).

	1H09	1H09/KH	1H09/1H08
Khai thác dầu khí (Triệu tấn)	12,65	53%	17%
Xuất khẩu dầu thô (Triệu USD)	3.310	80%	-41.5%

- Diễn biến giá dầu

Bắt đầu từ Q2'09, giá dầu có dấu hiệu phục hồi nhờ những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế thế giới, kỳ vọng vào tăng trưởng tiêu thụ dầu, đồng USD suy yếu và các hoạt động đầu cơ. Giá dầu trung bình trong quý II là khoảng 60 USD/thùng tăng 16,87% so với Q1'09.

Diễn biến giá dầu thế giới trong 1H09



Nguồn: Reuters

- Nhu cầu về các dịch vụ hỗ trợ vẫn ổn định

Theo PVN, tổng doanh thu từ các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trong 6 tháng đầu năm đạt 42,5 nghìn tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch năm và chiếm 28% doanh thu của cả tập đoàn.

- Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Tháng 2 năm 2009, nhà máy lọc dầu Dung Quất được hoàn thành và đang trong quá trình chạy thử đến tháng 10 năm 2009. Với công suất là 6,5 triệu tấn/năm, tương đương 148.000 thùng/ngày bằng 37% sản lượng của toàn quốc, dự kiến nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ đáp ứng 30% nhu cầu xăng dầu trong nước. Sự ra đời của nhà máy lọc dầu Dung Quất giúp nhiều công ty dầu khí được hưởng lợi ví dụ như PV-Trans (PVT-hose) được chỉ định là đơn vị độc quyền chuyển chở dầu thô và sản phẩm xăng dầu cho nhà máy hay Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PVS-Hnx) đã cung cấp các dịch vụ tàu chuyên dụng, dịch vụ bảo hành bảo dưỡng và căn cứ cảng cho Nhà Máy lọc dầu Dung Quất.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Giá dầu:** Mặc dù giá dầu thô đã có dấu hiệu phục hồi trong quý II nhưng chúng tôi cho rằng trong 6 tháng cuối năm, giá dầu thô khó có thể tăng mạnh do các yếu tố cơ bản như nhu cầu dầu mỏ vẫn còn yếu do tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn, cùng với hoạt động đầu cơ làm hàng tồn kho tăng cao.
- Nhu cầu dầu mỏ:** Về dài hạn nhu cầu dầu mỏ sẽ vẫn tiếp tục tăng do nhu cầu về năng lượng để phát triển kinh tế, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước
- Ngành dầu khí nhiều tiềm năng:** Cùng với triển vọng phục hồi của nền

kinh tế, chúng tôi cho rằng cổ phiếu ngành dầu khí có nhiều tiềm năng để đầu tư dài hạn. Nhu cầu dầu mỏ sẽ phục hồi khi nền kinh tế phục hồi và sự tiến triển của giá dầu là các yếu tố thuận lợi cho ngành dầu khí. Bên cạnh đó, các công ty trong ngành dầu khí (PVD, PVS) đang trong quá trình đầu tư lớn với tham vọng trở thành các tập đoàn cung cấp dịch vụ dầu khí hàng đầu trong khu vực. Đây là các cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư dài hạn.

NGÂN HÀNG

So với mức PE, PB bình quân của toàn thị trường vào ngày 31/07/2009 là 17x và 2,5x thì tỷ lệ tương ứng của ngành là 16,5x và 3,6x không phải là một mức hấp dẫn vào thời điểm hiện tại. Ngoài ra, với tình hình kinh tế chưa thực sự ổn định, khả năng nhà nước sẽ sử dụng hệ thống ngân hàng như một công cụ thực hiện các chính sách tiền tệ. Mỗi động thái như vậy đều sẽ có ảnh hưởng bất lợi tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng. Do vậy chúng tôi cho rằng cổ phiếu ngân hàng sẽ khó có đột phá trong H2'09

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Ngân hàng Nhà Nước công bố, ước 6 tháng đầu năm 2009, huy động vốn tăng 16,20%, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 17%. Dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư, kinh doanh chứng khoán của các TCTD đến 30/6/2009 tăng 28,31% so với cuối năm 2008; dư nợ cho vay để đầu tư và kinh doanh bất động sản tăng 10,48%. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,52% trên tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,35% so với mức 2,17% vào cuối năm 2008.
- NHNN điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản bằng VND từ 8,5-7%/năm từ ngày 23/01 và giữ ổn định trong 6 tháng đầu năm; chương trình hỗ trợ lãi suất vay vốn 4% với các doanh nghiệp đã kích thích tín dụng tăng trưởng sau gần 3 tháng gần như đóng băng do tác động của khủng hoảng kinh tế. Điều này giúp cho tín dụng trở lại là mảng đóng góp lớn vào thu nhập hoạt động của các ngân hàng thương mại.
- Trong 4 tháng đầu năm, lãi suất huy động của hệ thống ngân hàng tương đối ổn định. Tuy nhiên, khi dư nợ tín dụng tăng mạnh từ cuối tháng 4 và gói kích cầu hỗ trợ lãi vay với nhu cầu vốn trung và dài hạn được triển khai đã làm các ngân hàng bước vào “cuộc đua” lãi suất huy động.
- Biên độ tỷ giá giữa VND với USD tăng từ $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$ đối với giao dịch mua bán của các NHTM, tuy nhiên các Ngân hàng đều ở trong tình trạng thừa USD để cho vay nhưng thiếu USD để bán cho doanh nghiệp do doanh nghiệp có xu hướng giữ USD để phòng biến động tỷ giá như đã từng xảy ra năm 2008.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- Quyết định giảm tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn có thể không tác động nhiều tới hoạt động của các ngân hàng khi hiện nay có ít ngân hàng sử dụng trên 30% nguồn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn.
- Lợi nhuận biên từ lãi sẽ giảm xuống khi lãi suất huy động vẫn tiếp tục được đẩy lên trong khi lãi suất cho vay bị khống chế trần; tuy nhiên mức giảm sẽ không nhiều nhờ có sự phát triển của cho vay tiêu dùng.
- Rủi ro nợ xấu tăng lên do NHNN khó có thể kiểm soát quy trình và chất lượng các khoản cho vay, đặc biệt là cho vay hỗ trợ lãi suất.
- Tỷ giá vẫn là một bài toán chưa có lời giải hợp lý tuy nhiên tình hình sẽ không có nhiều biến động lớn và cho vay bằng ngoại tệ sẽ khởi sắc hơn dưới tác động của các biện pháp can thiệp của NHNN.
- Nguồn thu từ phí vẫn chưa đóng tỷ trọng cao trong cơ cấu thu nhập trừ một số ngân hàng như ACB, Techcombank.
- Các khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính sẽ là nhân tố chính trong khoản lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán trong bối cảnh nguồn thu từ trái phiếu không cao do lãi suất có lẽ sẽ được NHNN duy trì ổn định trong nửa cuối năm.

VẬN TẢI BIỂN

Chúng tôi cho rằng 2H09 chưa phải là thời điểm tốt để giải ngân cổ phiếu ngành vận tải container. Vận tải biển hàng rời cũng khá rủi ro và không mấy tiềm năng cho các quyết định đầu tư. Riêng với vận tải dầu, với triển vọng khá hơn trong 6 tháng cuối năm 2009, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư có thể cân nhắc đầu tư vào ngành này để đón đầu sự phục hồi của ngành trong tương lai gần

H1'09: Diễn biến & Bình luận

- Vận tải hàng rời**

Trong Q2/2009 giá cước vận tải hàng khô có dấu hiệu phục hồi mạnh. Trung bình chỉ số BDI trong Q2 đã tăng 74% so với quý I và đạt đỉnh 4.291 vào tháng 6, mức cao nhất trong 1H09. Tuy nhiên mức đỉnh này vẫn thấp hơn 64% so với mức đỉnh của năm 2008

Sự phục hồi của giá cước là do nhu cầu vận chuyển quặng sắt của Trung Quốc tăng cao trong Q2/2009. Khối lượng nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc tăng 20-30% trong Q2 sau khi đã tăng 19% trong Q1.

Xuất khẩu hàng rời của Việt Nam tăng mạnh trong Q209. Các mặt hàng dòi chủ yếu như gạo và than đều có tốc độ tăng trưởng 2 con số so với Q109. Tuy nhiên với truyền thống bán giá FOB (người mua nước ngoài có quyền lựa chọn hãng chuyên chở và thường lựa chọn hãng tàu nước ngoài). Để có hợp đồng chuyên chở các doanh nghiệp vận tải phải thông qua môi giới nước ngoài với mức giá cước cạnh tranh do vậy giá cước vận tải hàng khô tại Việt Nam chưa được hưởng lợi nhiều từ việc tăng mạnh của giá cước hàng rời thế giới trong thời gian qua.

Xuất khẩu hàng rời tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2009

	Q109	Q209	Q209/Q109
Gạo	1.743	2.059	18,1%
Than	5.287	6.635	25,5%

Nguồn: GSO

- Vận tải dầu thô**

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và sự cắt giảm sản lượng của OPEC đã tác động mạnh mẽ đến thị trường vận tải dầu thô trong 1H09. Đặc biệt từ Q2, giá cước vận chuyển dầu thô giảm sút mạnh. Ví dụ, chỉ số Worldscale Aframax cho quãng đường từ Đông Nam Á tới Úc (một trong những tuyến đường chính của vận chuyển dầu thô từ Việt Nam) trung bình trong Q209 giảm 28,5% so với mức trung bình của Q109 và giảm 70% so với mức trung bình của năm 2008 (Bloomberg).

- Vận tải container**

Khối lượng hàng hóa container qua các cảng lớn có dấu hiệu giảm chậm dần. Trong tháng 5 khối lượng hàng hóa container qua cảng Thượng Hải, Thâm Khuyển, Hồng Kông giảm tương ứng 11.5%, 17.4% và 12.2% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức giảm 18.8%, 25.0% và 20.0% của tháng 4.

Giá cước tàu container tiếp tục giảm tuy nhiên có xu hướng bình ổn hơn. Trong Q2'09 giá cước vận chuyển tàu container giảm 23% so với cùng kỳ năm ngoái, mức giảm Q1'09 và Q4'08 là 33.7% và 35.8% (bloomberg)

Số lượng tàu container bị bỏ không đã giảm. Cuối tháng 6, tổng số lượng tàu container bị bỏ không trên toàn thế giới là 1.24 triệu TEUs chiếm 9.7% tổng trọng tải đội tàu container toàn cầu, giảm nhẹ so với 1.42m triệu TEU bị bỏ không (tương đương với 12.6% tổng trọng tải container toàn cầu) vào thời kỳ đỉnh điểm, cuối tháng 3.

H2'09: Thách thức & Triển vọng

- **Vận tải hàng rời**

Chúng tôi cho rằng thị trường vận tải hàng rời đã chạm đáy tuy nhiên chặng đường tiến tới sự phát triển bền vững của ngành vận tải hàng rời còn khá xa do các nguyên nhân sau:

 - Cung vượt quá cầu: Giá cước tăng mạnh vào năm 2007-2008 đã thúc dục các công ty đẩy mạnh việc đóng tàu mới dẫn đến thực tế cung vượt quá cầu trong các năm sắp tới. Theo tính toán của Mitsui O.S.K Lines, trong năm 2009, tổng trọng tải đội tàu chở hàng rời cỡ lớn Capesize tăng 15.2% trong khi nhu cầu giảm -6.5%.
 - Lượng dự trữ quặng sắt của Trung Quốc đã đạt 67 triệu tấn (gần bằng mức đỉnh được duy trì nửa cuối năm 2008) điều này có nghĩa là, Trung Quốc nhiều khả năng sẽ giảm nhập khẩu quặng sắt trong 2H09
 - Trong năm 2008 nhiều công ty mua tàu mới với giá rất cao. Hiện nay giá con tàu này giảm chỉ còn một nửa so với năm 2008. Do vậy trong năm 2009, các doanh nghiệp vận tải biển khó lòng thu được lợi nhuận từ việc bán tàu
- **Vận tải hàng lỏng**
 - Năm 2009 là năm khó khăn đối với vận tải dầu thô do nhu cầu dầu mỏ giảm sút và lượng cung tàu tăng mạnh. Do đó giá cước cho thuê tàu sẽ sụt giảm và khó lòng quay trở về mức trung bình năm 2008. Tuy nhiên dầu mỏ là một mặt hàng thiết yếu quan trọng đối với sản xuất quốc gia do đó nhu cầu dầu mỏ sẽ phục hồi ngay khi nền kinh tế bắt đầu thoát khỏi khủng hoảng. Cùng với quá trình loại bỏ tàu vỏ đơn vào năm 2010, chúng tôi tin rằng giá cước vận tải dầu thế giới sẽ sớm hồi phục và thị trường vận tải hàng lỏng sẽ nhộn nhịp trở lại vào năm 2010.
 - Ở Việt Nam phần lớn các doanh nghiệp chở hàng lỏng là các doanh nghiệp nhà nước, độc quyền và được sự hỗ trợ của các tập đoàn xăng dầu như PVT, VIP, VTO nên giá cước của các doanh nghiệp này phần nào ít chịu ảnh hưởng bởi những biến động của giá cước quốc tế và đầu ra tương đối ổn định
- **Vận tải container**

Mặc dù tốc độ suy giảm của ngành đã chậm dần, chúng tôi cho rằng trong 2H09, thị trường vận tải container khó có thể bật lên một cách nhanh chóng, do đặc điểm vận tải container chỉ có thể phục hồi bền vững khi nền kinh tế toàn cầu thực sự đã thoát khỏi khủng hoảng, thương mại hàng hóa được đẩy mạnh. Giá cước container vẫn tiếp tục sụt giảm cho thấy các doanh nghiệp vận tải container khó có khả năng đạt hòa vốn trong năm nay.

Tổng hợp kết quả hoạt động H1'09 các DNNY theo ngành

Xây dựng

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Trung bình	16.749	15.882	45,6%	604	39,5%	12,5%	17.401	2.178	1,6	13,1
1	B82	26	63	31,5%	3	50,2%	26,5%	14.087	3.735	1,2	4,7
2	C92	18	45	32,1%	1	56,5%	12,7%	11.804	1.503	1,3	10,2
3	CDC	259	146	43,9%	13	56,5%	13,8%	22.508	3.106	1,8	12,9
4	CIC	33	87	41,9%	0	10,0%	6,2%	18.363	1.140	0,7	10,8
5	CID	15	9	30,7%	1	15,5%	9,3%	13.318	1.242	1,0	10,9
6	CMC	46	23	33,5%	8	304,5%	-43,2%	14.614	-6.310	1,0	-2,4
7	CNT	205	1.137	42,6%	14	77,5%	8,8%	22.247	1.964	1,2	13,1
8	CTN	73	179	33,9%	5	41,6%	9,6%	20.999	2.009	0,7	7,5
9	DCC	214	205	44,3%	12	59,0%	6,6%	20.472	1.350	1,1	16,0
10	FPC	452	179	33,1%	-18	-30,8%	-8,4%	24.094	-2.021	0,6	-6,8
11	HAS	134	24	19,8%	5	41,5%	8,2%	19.330	1.582	0,9	10,9
12	HBC	484	927	68,7%	3	7,3%	1,8%	35.394	640	0,9	50,0
13	HUT	107	109	27,1%	4	43,4%	17,1%	10.820	1.851	1,8	10,5
14	ICG	489	165	38,8%	14	35,9%	16,4%	11.376	1.866	2,9	17,5
15	L18	67	215	35,8%	5	36,9%	16,9%	19.449	3.292	1,0	5,8
16	L43	65	110	53,7%	20	198,6%	46,7%	18.515	8.645	1,0	2,2
17	L61	93	133	29,6%	6	25,9%	12,4%	13.938	1.727	1,0	7,7
18	L62	63	61	29,2%	6	59,6%	19,4%	18.573	3.612	1,1	5,8
19	LUT	59	38	31,7%	3	37,6%	10,5%	11.020	1.161	1,0	9,2
20	MCO	48	89		6		16,9%	12.181	2.056	1,0	5,6
21	PTC	106	99	21,7%	0	5,3%	1,6%	25.450	415	0,4	27,0
22	QTC	19	17	23,8%	2	36,3%	23,7%	19.328	4.573	0,8	3,4
23	RCL	180	43	32,8%	14	74,3%	33,8%	27.386	9.252	2,6	7,8
24	S55	64	67	31,9%	5	49,3%	9,6%	35.031	3.380	0,7	7,7
25	S64	39	46	39,6%	4	91,0%	14,8%	23.292	3.457	0,8	5,6
26	S74	102	352		15		39,2%	13.727	5.376	1,9	4,7
27	S91	21	15	22,0%	1	21,7%	5,5%	14.446	791	1,0	18,1
28	S96	38	43	58,5%	5	125,9%	19,5%	11.916	2.326	1,3	6,5
29	S99	188	49	35,3%	11	65,4%	27,6%	14.194	3.925	3,0	10,9
30	SC5	501	637	70,8%	17	55,5%	15,9%	17.437	2.781	2,8	17,4
31	SD2	122	142	38,9%	11	88,6%	21,1%	20.878	4.413	1,2	5,7
32	SD3	169	119	37,6%	10	71,1%	11,2%	25.139	2.811	0,8	7,5
33	SD4	107	143	47,1%	8	59,3%	15,7%	11.287	1.775	1,3	8,0
34	SD5	419	603	67,0%	33	82,3%	45,2%	23.109	10.442	3,0	6,6
35	SD6	190	170	33,6%	19	102,6%	17,5%	30.882	5.397	1,0	5,9
36	SD7	355	398	45,4%	26	68,8%	14,8%	36.798	5.448	1,1	7,2
37	SD8	37	59	26,8%	-1	-13,4%	4,6%	10.859	503	1,2	26,2
38	SD9	505	261	47,8%	35	82,9%	27,1%	17.613	4.772	1,9	7,1
39	SDC	52	65	52,4%	5	70,8%	25,6%	20.586	5.279	1,4	5,5
40	SDD	47	11	23,8%	1	24,6%	3,0%	13.939	414	0,8	28,2
41	SDJ	63	96	28,2%	2	10,2%	17,8%	9.134	1.629	1,9	10,4
42	SDS	25	130	41,4%	2	51,2%	24,7%	11.553	2.848	1,5	6,1
43	SDT	506	396	74,5%	45	94,0%	21,8%	31.078	6.766	1,4	6,4
44	SIC	149	52	39,3%	5	50,7%	14,8%	20.682	3.067	1,4	9,7
45	SJC	66	23	13,4%	3	42,6%	11,4%	19.968	2.280	1,2	10,9
46	SJE	158	243	69,3%	16	106,0%	23,7%	23.718	5.622	1,3	5,7
47	SJM	23	14	2,7%	1	2,3%	11,5%	12.779	1.466	1,2	10,4
48	SKS	31	30	40,2%	4	83,0%	16,3%	14.337	2.333	1,1	6,9

49	SNG	87	102	63,1%	9	66,4%	33,1%	32.499	10.752	1,4	4,3
50	SRA	11	1		0		-5,8%	18.116	-1.043	0,5	-9,4
51	V11	60	138	30,6%	3	33,8%	10,7%	17.623	1.880	0,7	6,4
52	VC1	95	188	44,3%	10	54,9%	13,9%	42.648	5.914	0,6	4,6
53	VC2	330	329	48,4%	19	62,1%	21,9%	30.900	6.781	2,0	9,0
54	VC3	220	165	49,2%	15	51,9%	19,3%	22.234	4.287	1,3	6,5
55	VC5	71	226	52,5%	4	36,3%	16,8%	15.446	2.590	0,9	5,5
56	VC6	64	139	40,2%	7	63,6%	24,2%	15.808	3.831	1,1	4,4
57	VC7	73	155	58,3%	7	65,3%	15,0%	16.779	2.510	0,9	6,0
58	VCC	55	150	46,8%	5	54,0%	18,6%	13.356	2.482	1,0	5,6
59	VCG	7.530	5.348	45,3%	42	8,0%	11,9%	12.915	1.539	2,6	22,2
60	VE1	32	30		2		-42,8%	7.667	-3.278	1,4	-3,3
61	VE9	50	12	19,7%	1	10,1%	10,5%	10.346	1.082	1,4	13,7
62	VMC	253	475	50,0%	18	51,6%	21,3%	24.967	5.322	1,6	7,3
63	VNE	590	158	21,5%	51	103,9%	17,8%	11.402	2.031	1,6	9,2

Dược phẩm

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Trung bình	6.266	2.636	48,2%	253	66,1%	17,0%	35.364	6.003	2,3	13,7
1	DCL	632	251	38,6%	28	58,0%	19,4%	29.031	5.631	2,2	11,5
2	DHG	2.659	791	52,8%	93	83,1%	20,7%	38.805	8.030	3,4	16,6
3	DHT	123	296	50,2%	6	58,8%	14,2%	21.224	3.005	1,4	9,9
4	DMC	1.057	491	46,5%	42	60,8%	16,4%	35.771	5.852	2,2	13,4
5	IMP	801	311	48,7%	34	63,6%	12,3%	45.228	5.543	1,5	12,4
6	MKV	12	12	37,7%	1	63,1%	8,9%	11.055	986	1,1	12,4
7	OPC	434	138	60,0%	22	70,3%	14,1%	31.188	4.394	1,7	12,1
8	TRA	549	346	44,9%	26	46,7%	18,0%	34.081	6.123	2,0	11,0

Thực phẩm chế biến

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Ngành	34.732	9.635	48,0%	1.244	75,4%	20,0%	29.245	5.838	3,7	18,4
1	AGC	94	1.290	63,5%	-16	-98,1%	-47,3%	7.459	-3.528	1,5	-3,2
2	BBC	555	238	39,9%	21	68,9%	9,6%	32.237	3.110	1,1	11,6
3	CAN	70	195	44,4%	5	41,8%	13,9%	16.210	2.260	0,9	6,2
4	FMC	97	339	34,5%	2	18,2%	5,9%	19.178	1.133	0,7	11,9
5	HHC	146	208	46,2%	6	34,9%	17,1%	19.573	3.343	1,4	8,0
6	KDC	3.926	533	30,5%	99	51,4%	8,2%	38.656	3.171	1,8	22,1
7	LAF	107	218	42,3%	-5	-66,4%	-13,7%	10.370	-1.416	1,3	-9,3
8	NGC	21	62	33,6%	2	50,8%	24,6%	12.248	3.016	1,4	5,8
9	NKD	579	271	32,6%	27	60,6%	18,4%	19.629	3.621	2,4	13,0
10	SAF	63	122		7		26,3%	16.917	4.445	1,4	5,3
11	SGC	100	52	47,0%	9	58,5%	24,2%	12.648	3.066	1,3	5,5
12	TAC	814	1.287	46,7%	34	89,7%	-5,1%	15.869	-804	2,7	-53,3
13	VDL	56	76	40,1%	5	55,4%	27,1%	31.310	8.476	1,5	5,5
14	VNM	28.102	4.744	51,5%	1.050	83,8%	28,4%	31.938	9.069	5,0	17,6

Vật liệu xây dựng

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Trung bình	17.515	13.493	49,4%	1.019	68,6%	14,3%	14.726	2.108	1,5	10,4
1	BCC	1.607	1.129	47,4%	132	108,0%	19,9%	12.270	2.442	1,4	6,9
2	BHC	63	45	24,3%	-4	-36,4%	-0,3%	10.137	-28	1,4	-507,0
3	BHV	52	35		6	64,6%	49,7%	20.362	10.123	2,6	5,1
4	BMP	1.559	492	59,9%	129	163,9%	29,8%	34.695	10.343	2,7	8,9
5	BT6	504	246	41,0%	18	75,1%	10,1%	29.336	2.977	1,6	15,4
6	BTS	1.300	695	47,4%	72	63,6%	10,3%	12.927	1.330	1,1	10,8
7	CCM	110	108	47,0%	11	107,7%	26,7%	18.329	4.896	2,2	8,1
8	CYC	100	119	27,7%	-2	-6,3%	3,6%	13.327	474	0,8	23,2
9	DAC	48	28		5	48,7%	54,3%	20.273	11.018	2,4	4,3
10	DCT	342	138	76,4%	19	70,0%	10,6%	13.329	1.415	1,1	10,2
11	DHA	355	85	48,7%	27	73,2%	17,4%	27.858	4.853	1,3	7,3
12	DIC	131	268	50,7%	4	20,3%	9,3%	14.396	1.343	1,2	12,5
13	DNP	62	84	46,5%	5	64,9%	15,1%	20.667	3.119	0,9	5,8
14	DTC	77	56	49,2%	8	54,8%	60,7%	23.193	14.074	3,3	5,5
15	DXV	110	196	20,9%	2	26,2%	4,0%	10.524	416	1,1	26,7
16	GTA	129	116	61,4%	5	63,1%	6,4%	15.059	966	0,8	13,1
17	HCC	30	49	62,8%	3	67,7%	22,6%	19.160	4.324	1,0	4,3
18	HLV	42	37	60,9%	4	71,4%	50,7%	17.298	8.761	2,4	4,8
19	HOM	1.166	686	56,3%	81	128,8%	11,8%	11.466	1.351	1,4	12,0
20	HPS	19	9	50,9%	1	57,9%	8,8%	12.913	1.140	0,9	10,4
21	HT1	1.753	1.289	40,5%	78	57,5%	15,0%	9.147	1.374	1,7	11,6
22	HT2	1.408	768	38,8%	97	66,0%	17,2%	11.388	1.957	1,4	8,2
23	LBM	128	66	55,4%	3	35,3%	3,4%	12.145	409	1,4	40,8
24	NAV	106	74	50,0%	6	43,6%	13,1%	12.444	1.634	1,1	8,1
25	NHC	56	33	59,1%	4	79,8%	39,8%	18.246	7.268	2,0	5,1
26	NTP	1.859	685	60,6%	161	101,4%	50,4%	20.316	10.244	4,2	8,4
27	NVC	410	1.370	91,3%	10	131,5%	-23,8%	9.871	-2.348	2,8	-11,6
28	PPG	45	151	37,9%	1	12,6%	18,7%	14.350	2.683	0,8	4,2
29	QNC	398	365	42,0%	25	83,7%	23,5%	14.759	3.470	2,0	8,6
30	S12	70	91	29,6%	1	20,4%	14,1%	12.150	1.707	1,1	8,1
31	SAV	281	172	41,3%	7	45,7%	6,4%	29.630	1.911	1,0	15,4
32	SCC	33	40	48,3%	2	63,1%	10,6%	19.206	2.027	0,9	8,2
33	SCJ	301	135	47,7%	21	69,4%	23,7%	36.537	8.674	1,7	7,3
34	SDY	38	76	27,0%	3	37,0%	13,9%	21.574	3.007	1,2	8,3
35	SSS	39	9	7,6%	2	35,7%	15,0%	13.173	1.972	1,2	7,8
36	TBX	21	32	41,2%	2	47,4%	32,6%	16.238	5.297	1,3	3,9
37	TCR	377	357	41,3%	-26	-79,1%	0,5%	15.582	79	0,7	129,5
38	TKU	38	338	40,6%	0	-1,0%	-6,1%	66.880	-4.097	0,2	-2,9
39	TLT	85	156		-10	-844,1%	-3449,8%	209	-7.223	57,8	-1,7
40	TTC	64	90	33,2%	2	24,6%	5,0%	12.368	614	0,9	17,6
41	TTF	476	623	68,9%	9	29,3%	2,5%	33.433	851	0,7	28,0
42	TXM	88	139	28,4%	2	48,6%	4,6%	14.052	646	0,9	19,3
43	VCS	776	238	50,1%	41	59,3%	23,8%	22.172	5.283	2,3	9,8
44	VHL	272	429		20	50,5%	25,5%	23.044	5.872	1,5	6,0
45	VTA	54	38	16,0%	-11	-1479,2%	-30,0%	9.153	-2.745	1,0	-3,3
46	VTB	77	38	53,7%	9	70,8%	74,1%	22.122	16.396	2,8	3,8
47	VTV	129	600	35,2%	11	57,4%	18,8%	22.128	4.150	0,9	4,9
48	XMC	247	323	71,7%	18	77,3%	19,8%	19.149	3.792	1,4	6,9
49	YBC	84	149	57,0%	4	50,7%	7,8%	14.255	1.117	1,2	15,7

Bất động sản

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Trung bình	60.667	4.879	44,7%	1.563	50,5%	13,2%	18.988	2.516	3,1	23,7
1	BCI	2.764	144	25,3%	61	30,5%	11,6%	20.272	2.358	2,5	21,6
2	CII	1.864	90	28,9%	114	73,2%	24,0%	22.361	5.363	2,2	9,1
3	DC4	53	33	41,3%	3	41,9%	33,1%	15.232	5.042	1,6	4,9
4	HAG	15.356	2.048	56,0%	560	53,4%	16,2%	22.459	3.636	3,9	23,9
5	HDC	456	124	35,4%	26	58,7%	27,2%	18.655	5.065	3,1	11,4
6	ITA	7.847	567	51,6%	93	31,1%	5,2%	23.141	1.197	1,7	32,2
7	KBC	8.582	327	40,5%	168	53,3%	5,4%	14.533	786	3,0	54,8
8	KHA	331	109	47,4%	23	51,7%	26,7%	18.445	4.928	1,4	5,3
9	LCG	1.550	266	38,9%	88	54,8%	30,1%	29.092	8.744	2,6	8,7
10	NBB	833	153	64,0%	31	48,1%	12,2%	27.833	3.383	2,0	16,3
11	NTL	1.558	298	62,0%	94	104,1%	63,7%	18.285	11.656	5,2	8,2
12	SJS	5.923	158	16,8%	85	30,5%	17,3%	29.276	5.058	5,1	29,5
13	STL	730	166	31,8%	13	43,6%	22,8%	13.880	3.163	5,3	23,1
14	SZL	516	49	48,7%	26	128,2%	28,8%	23.690	6.830	2,3	7,8
15	TDH	1.896	225	40,9%	101	54,8%	23,5%	42.125	9.909	1,9	8,0
16	VIC	10.406	124	42,2%	76	51,5%	7,7%	8.212	631	6,7	87,1

Hóa Chất

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Trung bình	26.055	7.779	63,9%	1.151	84,7%	21,8%	14.959	3.267	3,2	14,6
1	DPM	18.192	4.060	69,8%	756	76,4%	19,8%	13.732	2.720	3,5	17,6
2	DPR	2.260	175	38,7%	51	71,8%	29,5%	16.668	4.915	3,4	11,5
3	DRC	1.615	868	70,6%	175	448,2%	51,4%	23.329	11.994	4,5	8,8
4	HAI	441	419	58,1%	40	81,0%	13,4%	24.604	3.289	1,2	9,2
5	HRC	697	60	37,3%	22	73,7%	20,7%	18.519	3.824	2,2	10,6
6	HSI	120	391	43,5%	5	28,2%	-1,3%	12.856	-172	0,9	-70,5
7	HVT	87	77	37,2%	3	27,1%	15,7%	12.761	2.001	1,4	8,9
8	PLC	592	1.515	70,0%	40	56,9%	18,3%	21.330	3.894	1,7	9,4
9	SDN	25	30	51,4%	2	84,9%	27,3%	14.047	3.839	1,3	4,8
10	TNC	302	58	34,6%	10	102,1%	2,5%	11.565	289	1,4	54,4
11	TRC	1.725	126	41,5%	47	69,8%	35,6%	17.033	6.071	3,4	9,5

Kim loại công nghiệp

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08	21/08
	Trung bình	19.733	11.243	50,0%	1.047	87,3%	14,9%	19.790	2.955	2,9	19,3
1	HLA	581	1.167	64,0%	39	55,5%	16,4%	14.273	2.347	2,1	13,0
2	HMC	479	1.152	41,2%	8	37,1%	1,9%	13.573	264	1,7	86,3
3	HPG	13.647	3.617	51,7%	686	74,5%	15,2%	22.970	3.501	3,0	19,9
4	HSG	2.606	1.345	50,1%	126	174,4%	-1,8%	14.415	-266	3,2	-172,0
5	KKC	241	312	48,0%	21	398,6%	-0,6%	15.072	-93	3,1	-496,7
6	SMC	514	2.126	50,6%	28	69,2%	21,6%	18.575	4.004	1,9	8,8
7	SSM	79	64	40,2%	6	91,0%	39,0%	13.439	5.248	2,0	5,1
8	TNA	86	186	37,3%	8	39,3%	15,2%	30.370	4.622	0,9	5,7
9	VGS	403	436	41,5%	12	69,8%	6,2%	11.811	734	2,8	44,5
10	VIS	1.095	837	51,6%	113	447,6%	60,4%	22.577	13.629	3,2	5,4

Dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PE	PB
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08/09	21/08/09
	Trung bình	19,964	6,541	46.0%	804	71.6%	30.6%	16,037	4,910	3.7	12.2
1	PVA	105	110	42.5%	5	54.5%	17.2%	11,658	2,011	2.0	11.6
2	PVC	583	221	34.0%	7	11.5%	23.5%	15,990	3,755	2.3	9.7
3	PVD	12,159	1,805	51.6%	561	80.1%	37.5%	19,862	7,442	4.6	12.4
4	PVE	147	123	40.9%	5	41.0%	21.5%	5,970	1,282	3.2	14.7
5	PVS	6,970	4,282	45.1%	226	66.2%	24.3%	13,698	3,329	2.9	12.0

Ngân hàng

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	Thu nhập HĐ (tỷ VND)	LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PB	PE
		21/08/09	1H'09	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08/09	21/08/09
	Trung bình	168.140	14.364	5.944	72,6%	21,7%	12.552	2.723	3,6	16,8
1	ACB	30.381	2.362	1.045	48,4%	31,1%	11.927	3.709	4,0	12,9
2	CTG	43.999	4.252	1.589	81,8%	18,4%	12.065	2.214	3,2	17,7
3	SHB	6.360	1.467	251	93,2%	14,8%	11.747	1.740	2,7	18,3
4	STB	19.645	1.830	779	60,9%	15,9%	14.923	2.366	2,6	16,2
5	VCB	67.765	4.453	2.280	89,8%	24,0%	12.463	2.992	4,5	18,7

Vận tải biển

STT	Doanh nghiệp	Vốn hoá	DT (tỷ VND)		LNR (tỷ VND)		ROE	BVPS	EPS	PE	PB
		21/08/09	1H'09	%KH	1H'09	%KH	4Q	4Q	4Q	21/08/09	21/08/09
	Trung bình	498	263	66,44%	-11	24,57%	6,9%	17.641	1.268	1,09	10,03
1	HTV	148	44	48.5%	14	104.4%	8.0%	19,974	1,605	0.8	9.7
2	ILC	71	40	44.9%	-1	-16.0%	5.8%	29,610	1,725	0.6	10.1
3	MHC	170	85	36.3%	13		2.3%	15,914	373	0.9	38.7
4	PJC	31	556	427.4%	7	131.1%	23.6%	24,089	5,690	0.8	3.5
5	PJT	123	191	47.6%	3	27.4%	-2.1%	10,936	-226	1.3	-65.0
6	PSC	58	303	48.3%	5	75.0%	21.6%	25,971	5,602	1.1	5.2
7	PTS	63	101	55.3%	5	69.0%	17.3%	18,056	3,116	1.0	5.8
8	PVT	2,967	623	39.0%	-37	-45.2%	0.7%	9,962	75	2.0	269.6
9	SHC	62	58	39.8%	-1	-33.9%	7.0%	18,703	1,310	0.9	12.7
10	VFC	238	192	43.1%	11	77.4%	6.5%	13,791	901	0.9	13.2
11	VFR	191	98	50.6%	7	165.1%	9.3%	12,560	1,165	1.0	10.9
12	VIP	1,103	542	52.6%	63	94.2%	10.9%	13,533	1,470	1.4	12.8
13	VNA	334	309	48.7%	-16	-105.5%	3.6%	13,917	495	1.2	33.7
14	VSG	129	61	46.5%	4	49.7%	0.2%	15,137	23	0.8	513.2
15	VSP	1,197	198	13.2%	-205	-182.6%	-8.9%	34,604	-3,065	0.9	-10.5
16	VST	728	546	33.7%	-64	-72.6%	9.7%	10,320	1,001	1.8	18.2
17	VTO	846	524	53.9%	12	32.4%	2.1%	12,818	275	1.1	51.6

PHÒNG PHÂN TÍCH**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội****Tầng 4B - 2C Vạn Phúc – Kim Mã – Ba Đình – Hà Nội****Tel: (+84) 04.3.726.2275 - Fax: (+84) 04.3.726.2305****Đỗ Hồng Điệp**

Số máy lẻ: 132

Email: diepdh@hbbs.com.vn**Nguyễn Thị Hoàng Mai**

Số máy lẻ: 131

Email: mainth@hbbs.com.vn**Phạm Tùng Lâm**

Số máy lẻ: 164

Email: lampt@hbbs.com.vn**Đào Thị Thu Hằng**

Số máy lẻ: 146

Email: hangedt@hbbs.com.vn**Vũ Thị Quỳnh Trang**

Số máy lẻ: 140

Email: trangvtq@hbbs.com.vn**Đặng Thị Mỹ Phương**

Số máy lẻ: 132

Email: phuongdtm@hbbs.com.vn**Nguyễn Thị Ngọc Lan**

Số máy lẻ: 130

Email: lanntn@hbbs.com.vn**Trần Đỗ Quyền**

Số máy lẻ: 146

Email: quyentd@hbbs.com.vn**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**

Số máy lẻ: 131

Email: huyenntn@hbbs.com.vn

ĐIỀU KHOẢN MIỄN TRỪ

Tài liệu này do Công ty Chứng Khoán Habubank ("Habubank Securities"), một công ty con trực thuộc Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Habubank phát hành. Các nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở các thông tin tin cậy, nhưng chúng tôi không có bất cứ cam kết hay đảm bảo gì đối với tính chính xác, hoàn chỉnh của các thông tin trong nghiên cứu này. Các quan điểm mà chúng tôi đưa ra có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này được phục vụ mục đích lưu hành rộng rãi. Tất cả các khuyến nghị đưa ra trong tài liệu này đều không nhằm phục vụ các mục tiêu đầu tư cụ thể, hay nhu cầu riêng của bất kỳ người đọc cụ thể nào. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không nhằm thay đổi quyết định của người đọc. Các nhà đầu tư nên được tư vấn về tài chính và pháp luật để ra các quyết định đầu tư. Habubank Securities không chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp phát sinh từ việc sử dụng hoặc liên quan đến tài liệu này theo bất cứ hình thức nào. Tài liệu này không phải là một lời đề nghị hay mời gọi mua bán bất cứ loại chứng khoán nào. Bất kỳ ai muốn biết thêm thông tin, kể cả việc làm rõ bất cứ chi tiết nào trong điều khoản miễn trừ này, hoặc muốn thực hiện giao dịch đối với bất cứ loại chứng khoán nào đã được đề cập trong tài liệu này vui lòng liên hệ với Habubank Securities để được phục vụ.

Tài liệu này là tài liệu bản quyền tác giả của Habubank Securities. Mọi sao chép trích dẫn thông tin phân tích trong tài liệu này phải trích dẫn nguồn từ Công ty Chứng Khoán Habubank.